

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 45 /NQ-HĐND

Lai Châu, ngày 15 tháng 12 năm 2020

### **NGHỊ QUYẾT**

**Quyết định tổng số biên chế công chức; tổng số người làm việc, hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP, Nghị định số 161/2018/NĐ-CP trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập và biên chế của các tổ chức hội có tính chất đặc thù trên địa bàn tỉnh Lai Châu năm 2021**

### **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ MƯỜI LĂM**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008; Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp; số 161/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; số 62/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2020 về vị trí việc làm và biên chế công chức; số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Căn cứ Quyết định số 776/QĐ-BNV ngày 12 tháng 10 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc giao biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước của tỉnh Lai Châu năm 2021; Công văn số 4455/BNV-TCBC ngày 27 tháng 8 năm 2020 của Bộ Nội vụ về việc số lượng người làm việc và hợp đồng lao động trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh Lai Châu năm 2021; Công văn số 6359/BNV-TCBC ngày 17 tháng 12 năm 2019 của Bộ Nội vụ về việc hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP trong cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh Lai Châu năm 2020 và năm 2021;*



Xét Tờ trình số 2744/TTr-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quyết định tổng số biên chế công chức, số người làm việc, hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP, Nghị định số 161/2018/NĐ-CP trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập và biên chế trong các tổ chức hội có tính chất đặc thù tỉnh Lai Châu năm 2021; Báo cáo thẩm tra số 426/BC-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

## QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Quyết định tổng số biên chế công chức; tổng số người làm việc, hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP, Nghị định số 161/2018/NĐ-CP trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập và biên chế của các Hội có tính chất đặc thù trên địa bàn tỉnh Lai Châu năm 2021, như sau:

1. Tổng biên chế trong các cơ quan, tổ chức hành chính: 1.823 biên chế.
2. Tổng số người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên: 15.475 người.
3. Hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP, Nghị định số 161/2018/NĐ-CP: 1.206 người.
  - a) Cơ quan, tổ chức hành chính: 112 người.
  - b) Đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên: 1.094 người.
4. Biên chế của các Hội có tính chất đặc thù: 75 người.
5. Biên chế thực hiện tinh giản biên chế giai đoạn 2021 - 2025: 50 biên chế (bao gồm: 42 biên chế hành chính; 03 biên chế làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập; 01 hợp đồng lao động trong các cơ quan, tổ chức hành chính và 04 hợp đồng lao động trong các đơn vị sự nghiệp theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP, Nghị định số 161/2018/NĐ-CP).

(Có biểu chi tiết kèm theo)

**Điều 2.** Hội đồng nhân dân tỉnh giao

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

### **Điều 3. Hiệu lực thi hành**

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu Khoá XIV, kỳ họp thứ mười lăm thông qua ngày 13 tháng 12 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

#### **Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Công báo tỉnh, Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**



**Giàng Páo Mỹ**

1975-1976

1975-1976





**BIỂU GIAO BIÊN CHẾ TRONG CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH NĂM 2021**  
(Kèm theo Nghị quyết số 45 /NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2020 của HĐND tỉnh Lai Châu)



Stt	Tên cơ quan, địa phương	Biên chế giao năm 2021
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>1.823</b>
<b>I</b>	<b>CÁC SỞ, BAN, NGÀNH</b>	<b>1.069</b>
1	Văn phòng HĐND tỉnh (chưa bao gồm số biên chế thực hiện sáp nhập Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh theo Nghị quyết số 1004/2020/UBTVQH14 ngày 18/9/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội)	31
2	Văn phòng UBND tỉnh	57
3	Sở Nội vụ	59
4	Sở Ngoại vụ	21
5	Sở Kế hoạch và Đầu tư	46
6	Sở Tư pháp	26
7	Sở Giao thông vận tải	51
8	Sở Xây dựng	35
9	Sở Tài chính	51
10	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	35
11	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	42
12	Sở Thông tin và Truyền thông	23
13	Thanh tra tỉnh	31
14	Ban Dân tộc tỉnh	22
15	Văn phòng Ban An toàn giao thông tỉnh	5
16	Ban QL Khu KTCK Ma Lò Thàng	11
17	Sở Tài nguyên và Môi trường	39
18	Sở Khoa học và Công nghệ	26
19	Sở Công Thương	39
20	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	309
21	Sở Y tế	60
22	Sở Giáo dục và Đào tạo	50
<b>II</b>	<b>UBND CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ</b>	<b>754</b>
1	UBND thành phố Lai Châu	100
2	UBND huyện Tam Đường	92
3	UBND huyện Tân Uyên	92
4	UBND huyện Than Uyên	92
5	UBND huyện Phong Thổ	96
6	UBND huyện Sìn Hồ	96
7	UBND huyện Mường Tè	96
8	UBND huyện Nậm Nhùn	90



STT	HỌ TÊN	QUỐC TỊCH
1		
2		
3		
4		
5		
6		
7		
8		
9		
10		
11		
12		
13		
14		
15		
16		
17		
18		
19		
20		
21		
22		
23		
24		
25		
26		
27		
28		
29		
30		



**BIỂU GIAO SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC  
TRONG CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP NĂM 2021**

*(Kèm theo Nghị quyết số 45 /NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2020 của HĐND tỉnh Lai Châu)*



Stt	Tên cơ quan, đơn vị	Đối với đơn vị do NSNN và đơn vị tự đảm bảo 1 phần chi thường xuyên
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>15.475</b>
<b>I</b>	<b>CÁC SỞ, BAN, NGÀNH</b>	<b>4.365</b>
1	Văn phòng UBND tỉnh	10
2	Sở Xây dựng	16
3	Sở Khoa học và Công nghệ	15
4	Sở Thông tin và Truyền thông	21
5	Sở Nội vụ	8
6	Sở Công Thương	10
7	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	60
8	Sở Kế hoạch và Đầu tư	13
9	Sở Tư pháp	14
10	Sở Tài nguyên và Môi trường	80
11	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	155
12	Sở Tài chính	8
13	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	51
14	Sở Y tế	2.761
15	Sở Giáo dục và Đào tạo	901
16	Ban Quản lý Khu Kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng	10
17	Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh	89
18	Trường Cao đẳng Cộng đồng Lai Châu	112
19	Ban Quản lý Trung tâm Hành chính - Chính trị tỉnh	12
20	Trung tâm hoạt động Thanh, thiếu nhi	9
21	Trung tâm Dạy nghề và hỗ trợ nông dân tỉnh	10
<b>II</b>	<b>UBND CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ</b>	<b>11.110</b>
1	UBND thành phố Lai Châu	961



Stt	Tên cơ quan, đơn vị	Đối với đơn vị do NSNN và đơn vị tự đảm bảo 1 phần chi thường xuyên
1.1	Sự nghiệp khác	63
1.2	Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo năm học 2021 - 2022	898
<b>2</b>	<b>UBND huyện Tam Đường</b>	<b>1.324</b>
2.1	Sự nghiệp khác	66
2.1	Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo năm học 2021 - 2022	1.258
<b>3</b>	<b>UBND huyện Tân Uyên</b>	<b>1.356</b>
3.1	Sự nghiệp khác	67
3.2	Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo năm học 2021 - 2022	1.289
<b>4</b>	<b>UBND huyện Than Uyên</b>	<b>1.557</b>
4.1	Sự nghiệp khác	79
4.2	Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo năm học 2021 - 2022	1.478
<b>5</b>	<b>UBND huyện Phong Thổ</b>	<b>1.801</b>
5.1	Sự nghiệp khác	76
5.2	Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo năm học 2021 - 2022	1.725
<b>6</b>	<b>UBND huyện Sìn Hồ</b>	<b>1.897</b>
6.1	Sự nghiệp khác	80
6.2	Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo năm học 2021 - 2022	1.817
<b>7</b>	<b>UBND huyện Mường Tè</b>	<b>1.398</b>
7.1	Sự nghiệp khác	79
7.2	Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo năm học 2021 - 2022	1.319
<b>8</b>	<b>UBND huyện Nậm Nhùn</b>	<b>816</b>
8.1	Sự nghiệp khác	55
8.2	Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo năm học 2021 - 2022	761

✍



**BIỂU GIAO HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 68/2000/NĐ-CP, SỐ 161/2018/NĐ-CP TRONG CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP NĂM 2021**  
(Kèm theo Nghị quyết số 45 /NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2020 của HĐND tỉnh Lai Châu)



Stt	Tên cơ quan, đơn vị	Số giao năm 2021		
		Tổng cộng	Cơ quan, tổ chức hành chính	Đơn vị do NSNN và đơn vị tự đảm bảo 1 phần chi thường xuyên
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>1.206</b>	<b>112</b>	<b>1.094</b>
<b>I</b>	<b>CÁC SỞ, NGÀNH TỈNH</b>	<b>371</b>	<b>73</b>	<b>298</b>
1	Văn phòng HĐND tỉnh	6	6	
2	Văn phòng UBND tỉnh	8	8	
3	Sở Nội vụ	5	4	1
4	Sở Ngoại vụ	1	1	
5	Sở Kế hoạch và Đầu tư	2	2	
6	Sở Tư pháp	2	2	
7	Sở Giao thông vận tải	4	4	
8	Sở Xây dựng	3	3	
9	Sở Tài chính	3	3	
10	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	10	2	8
11	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	13	2	11
12	Sở Thông tin và Truyền thông	2	1	1
13	Thanh tra tỉnh	2	2	
14	Ban Dân tộc tỉnh	2	2	
15	Ban QL Khu KTCK Ma Lò Thàng	2	2	
16	Sở Tài nguyên và Môi trường	3	2	1
17	Sở Khoa học và Công nghệ	2	2	
18	Sở Công Thương	2	2	
19	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	19	16	3
20	Sở Y tế	114	5	109
21	Sở Giáo dục và Đào tạo	121	2	119
22	Ban Quản lý Trung tâm Hành chính - Chính trị tỉnh	28		28
23	Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh	5		5
24	Trường Cao đẳng Cộng đồng	10		10
25	Trung tâm Dạy nghề và Hỗ trợ nông dân tỉnh	2		2
<b>II</b>	<b>UBND CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ</b>	<b>835</b>	<b>39</b>	<b>796</b>
1	UBND thành phố Lai Châu	117	5	112

Stt	Tên cơ quan, đơn vị	Số giao năm 2021		
		Tổng cộng	Cơ quan, tổ chức hành chính	Đơn vị do NSNN và đơn vị tự đảm bảo 1 phần chi thường xuyên
2	UBND huyện Tam Đường	106	5	101
3	UBND huyện Tân Uyên	98	5	93
4	UBND huyện Than Uyên	109	5	104
5	UBND huyện Phong Thổ	90	5	85
6	UBND huyện Sìn Hồ	147	5	142
7	UBND huyện Mường Tè	122	5	117
8	UBND huyện Nậm Nhùn	46	4	42



**BIỂU GIAO BIÊN CHẾ TRONG CÁC HỘI ĐẶC THÙ NĂM 2021**

(Kèm theo Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2020 của HĐND tỉnh Lai Châu)



Stt	Tên cơ quan, đơn vị	Biên chế giao năm 2021
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>75</b>
1	Liên minh Hợp tác xã	16
2	Hội Chữ Thập đỏ	17
3	Hội Văn học Nghệ thuật	9
4	Hội Luật gia	4
5	Hội Nhà báo	1
6	Hội Người Cao tuổi	3
7	Hội Khuyến học	2
8	Hội Cựu Thanh niên xung phong	2
9	Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật tỉnh	4
10	Hội Liên hiệp các Tổ chức hữu nghị tỉnh	1
11	Hội Chữ thập đỏ huyện Than Uyên	2
12	Hội Chữ thập đỏ thành phố Lai Châu	2
13	Hội Chữ thập đỏ huyện Sìn Hồ	2
14	Hội Chữ thập đỏ huyện Tam Đường	2
15	Hội Chữ thập đỏ huyện Tân Uyên	2
16	Hội Chữ thập đỏ huyện Phong Thổ	2
17	Hội Chữ thập đỏ huyện Mường Tè	2
18	Hội Chữ thập đỏ huyện Nậm Nhùn	2

